

Số: 768/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 23 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử**  
**tỉnh Đắk Nông năm 2018**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử;

Căn cứ Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2014 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 4816/QĐ-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt các đề án thuộc Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 20/TTr-SCT ngày 09 tháng 5 tháng 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Đắk Nông năm 2018.

**Điều 2.** Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà



*Handwritten signature*

nước Đăk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD, CTTĐT, KTKH.

08



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Xuân Hải**

**KẾ HOẠCH**

**Phát triển thương mại điện tử tỉnh Đắk Nông năm 2018**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 768 /QĐ-UBND  
ngày 23 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

**I. MỤC ĐÍCH:**

1. Nhằm phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông; đẩy mạnh việc cung cấp trực tuyến các dịch vụ, thông tin chào mua, chào bán sản phẩm của doanh nghiệp thông qua Internet, tạo cầu nối giữa doanh nghiệp với người tiêu dùng, giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, phát triển thương mại điện tử (sau đây viết tắt là TMĐT) của tỉnh theo hướng văn minh, hiện đại.
2. Thực hiện việc giao dịch, mua bán sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thông qua Sàn giao dịch Thương mại điện tử nhằm thúc đẩy sự phát triển của TMĐT và nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.
3. Nâng cao hơn nữa trình độ quản lý, tạo tiền đề cho việc ứng dụng mô hình kinh doanh gian hàng trực tuyến cho doanh nghiệp, hộ sản xuất gia đình,... Qua đó, giảm thiểu lượng hàng hóa lưu kho, rút ngắn thời gian giao dịch và giảm chi phí kinh doanh, làm tăng năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.
4. Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông của tỉnh phát triển các dịch vụ TMĐT; nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là CNTT) cơ bản của tỉnh phục vụ việc hỗ trợ doanh nghiệp địa phương xúc tiến thương mại hiệu quả, tiện dụng. Đồng thời hệ thống cung cấp cho cán bộ công chức môi trường làm việc hiện đại với sự hỗ trợ đặc lực của ứng dụng CNTT nâng cao hiệu quả công việc.
5. Hình thành cơ sở dữ liệu về ngành Công thương tỉnh Đắk Nông, hướng tới việc liên kết với các hệ thống sàn trên phạm vi toàn quốc.
6. Hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh ứng dụng TMĐT phù hợp với mô hình, sản phẩm, dịch vụ của mình, tiếp cận và thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, tìm kiếm mở rộng thị trường, tăng cường các mối quan hệ, hợp tác với các đối tác và khách hàng, xây dựng và phát triển thương hiệu trên môi trường internet theo hướng hiệu quả nhất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế.

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH:**

### **1. Xây dựng và vận hành Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Đắk Nông:**

- Số lượng: 01 Sàn giao dịch TMĐT tỉnh Đắk Nông (Công thương mại điện tử).
- Kinh phí: 458.000.000 đồng. Trong đó: Từ nguồn vốn ngân sách Trung ương (Chương trình phát triển TMĐT quốc gia): 320.000.000 đồng; nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương: 138.000.000 đồng.
- Thời gian thực hiện: Năm 2018.

### **2. Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh xây dựng và duy trì website TMĐT:**

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ... xây dựng website TMĐT hoặc nâng cấp website phù hợp với mô hình, sản phẩm, dịch vụ kinh doanh; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các sàn giao dịch TMĐT uy tín trong nước và thế giới nhằm quảng bá thương hiệu và sản phẩm của doanh nghiệp.
- Số lượng: 12 đơn vị.
- Kinh phí: 358.000.000 đồng. Trong đó: Từ nguồn vốn ngân sách Trung ương (Chương trình phát triển TMĐT Quốc gia): 250.000.000 đồng; nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương: 108.000.000 đồng.
- Thời gian thực hiện: Năm 2018.

## **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN:**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển thương mại điện tử năm 2018: 816.000.000 đồng. Trong đó: Kinh phí từ ngân sách Trung ương (Chương trình phát triển TMĐT quốc gia): 570.000.000 đồng; kinh phí từ ngân sách địa phương: 246.000.000 đồng (Đã được phân bổ cho Sở Công Thương đầu năm).

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

### **1. Sở Công Thương:**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan và Cục TMĐT và Kinh tế số - Bộ Công Thương tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển thương mại điện tử năm 2018 trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đúng nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.
- Tổ chức, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch. Tổng hợp báo cáo kết quả về UBND tỉnh, Bộ Công Thương theo quy định.

- Tiếp nhận, tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân có liên quan khi gặp khó khăn, vướng mắc để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và hướng dẫn của Trung ương.

## **2. Sở Thông tin Truyền thông:**

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông,...phát triển các dịch vụ TMĐT đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp, doanh nhân...

- Tiếp tục thực hiện tốt việc phát triển hạ tầng mạng phục vụ phát triển TMĐT; phối hợp với Sở Công Thương trong việc rà soát tình hình ứng dụng TMĐT và thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định ứng dụng TMĐT của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ các Sở, Ban, ngành, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin và TMĐT.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và Công an tỉnh thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin trong giao dịch TMĐT.

**3. Sở Tài chính:** Cân đối ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí cho thực hiện Kế hoạch này. Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương tổng hợp, bố trí vốn sự nghiệp từ ngân sách địa phương cho các dự án, nhiệm vụ về TMĐT của các Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh để thực hiện, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**4. Các Sở, Ban, ngành khác có liên quan:** Phối hợp với Sở Công Thương thực hiện Kế hoạch phát triển thương mại điện tử năm 2018 trong phạm vi, quyền hạn được giao.

**5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã:** Căn cứ nội dung của Kế hoạch, phối hợp với Sở Công Thương triển khai thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, rà soát, kiểm tra, báo cáo thống kê các hoạt động TMĐT của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

**6. Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh:** Viettel, VNPT, Mobifone,...phối hợp với các doanh nghiệp để triển khai tốt nội dung kế hoạch này.

**7. Các doanh nghiệp:** Tích cực tham gia, cộng tác với các chương trình dự án của các cơ quan nhà nước trong việc phát triển hoạt động TMĐT; chủ động triển khai ứng dụng TMĐT trong hoạt động sản xuất kinh doanh; chấp hành tốt các quy định của pháp luật về hoạt động TMĐT./.

\_\_\_\_\_ *thv*

PHỤ LỤC

KINH PHÍ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ XÂY DỰNG VÀ DUY TRÌ WEBSITE TMDT

(Kèm theo Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nguồn kinh phí (VNĐ)	
						NSNN	Vốn đối ứng
<b>I</b>	<b>Phân tích, thiết kế đồ họa</b>						
1	Xác định các đối tượng, thành phần và quy trình nghiệp vụ cho hệ thống, mối quan hệ	Giờ công	35	22.000	770.000		770.000
2	Xây dựng tài liệu đặc tả yêu cầu người sử dụng	Giờ công	40	22.000	880.000		880.000
3	Thiết kế đồ họa	Giờ công	20	22.000	440.000		440.000
<b>II</b>	<b>Thiết kế hệ thống</b>						
4	Thiết kế kiến trúc hệ thống tổng thể	Giờ công	32	22.000	704.000		704.000
5	Thiết kế các đối tượng, mô hình quan hệ đối tượng	Giờ công	44	22.000	968.000		968.000
6	Thiết kế cơ sở dữ liệu hệ thống, người dùng	Giờ công	40	22.000	880.000		880.000
7	Thiết kế cơ sở dữ liệu lưu trữ nội dung	Giờ công	36	22.000	792.000		792.000
8	Thiết kế các modul chức năng hệ thống	Giờ công	48	22.000	1.056.000	1.056.000	
9	Thiết kế các giao diện tương ứng chức năng	Giờ công	72	22.000	1.584.000	1.584.000	
10	Thiết kế quan hệ chức năng dữ liệu	Giờ công	72	22.000	1.584.000	1.584.000	
11	Thiết kế các quan hệ giữa thư viện, hàm, biến dùng chung	Giờ công	56	22.000	1.232.000	1.232.000	



STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nguồn kinh phí (VNĐ)	
						NSNN	Vốn đối ứng
III	Lập trình			22.000			
12	Thiết lập và cài đặt các bảng cho cơ sở dữ liệu	Giờ công	48	22.000	1.056.000	1.056.000	
13	Chức năng quản lý đơn hàng	Giờ công	48	22.000	1.056.000	1.056.000	
14	Chức năng quản lý sản phẩm	Giờ công	40	22.000	880.000	880.000	
15	Chức năng quản lý nội dung	Giờ công	56	22.000	1.232.000	1.232.000	
16	Chức năng quản lý khách hàng	Giờ công	40	22.000	880.000	880.000	
17	Chức năng tiếp thị	Giờ công	48	22.000	1.056.000	1.056.000	
18	Chức năng quản lý giao diện	Giờ công	58	22.000	1.276.000	1.276.000	
19	Chức năng cấu hình	Giờ công	46	22.000	1.012.000	1.012.000	
20	Chức năng giờ hàng	Giờ công	58	22.000	1.276.000	1.276.000	
21	Quản lý, xử lý đơn hàng	Giờ công	56	22.000	1.232.000	1.232.000	
22	Chức năng thanh toán	Giờ công	48	22.000	1.056.000	1.056.000	
23	Chức năng quy đổi tiền tệ	Giờ công	58	22.000	1.276.000	1.276.000	
24	Ghép các chức năng đã được thiết kế	Giờ công	71	22.000	1.562.000	1.562.000	



STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nguồn kinh phí (VNĐ)		
						NSNN	Vốn đối ứng	
25	Xây dựng các tài liệu hướng dẫn sử dụng, cài đặt, quản trị	Giờ công	24	22.000	528.000			
<b>IV</b>	<b>Đăng ký tên miền và thuê host</b>							
26	Đăng ký tên miền	Cái	1	350.000	350.000		350.000	
27	Thuê host trong năm đầu tiên	Năm	1	2.000.000	2.000.000		2.000.000	
<b>V</b>	<b>Kiểm tra chức năng hệ thống</b>							
28	Lập kế hoạch, chuẩn bị môi trường kiểm tra, cài đặt hệ thống kiểm tra	Giờ công	16	22.000	352.000		352.000	
29	Thực hiện kiểm tra, tổng hợp yêu cầu xử lý sau kiểm tra	Giờ công	20	22.000	440.000		440.000	
30	Hoàn chỉnh chương trình sau kiểm tra	Giờ công	20	22.000	440.000		440.000	
<b>CHI XÂY DỰNG 01 WEBSITE</b>						<b>29.850.000</b>	<b>20.834.000</b>	<b>9.016.000</b>
<b>TỔNG CHI PHÍ XÂY DỰNG 12 WEBSITE:</b>						<b>358.200.000</b>	<b>250.008.000</b>	<b>108.192.000</b>
<b>LÀM TRÒN:</b>						<b>358.000.000</b>	<b>250.000.000</b>	<b>108.000.000</b>

Tổng kinh phí xây dựng 12 website là: **358.000.000 VNĐ** (Ba trăm năm mươi tám triệu đồng).

Trong đó:

- Kinh phí từ Chương trình phát triển TMDT quốc gia năm 2018 là: 250.000.000 VNĐ (Hai trăm năm mươi triệu đồng)
- Vốn đối ứng ngân sách địa phương: 108.000.000 VNĐ (Một trăm linh tám triệu đồng)

**PHỤ LỤC**

**KINH PHÍ XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH SẢN GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

*(Kèm theo Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Phân bổ kinh phí (VNĐ)	
					NSNN	Vốn đối ứng
I. Chi phí xây dựng sản TMDT	Sàn	1	398.000.000	398.000.000	320.000.000	78.000.000
II. Chi phí tạo lập dữ liệu				3.400.000	-	3.400.000
III. Chi phí thẩm định phần mềm	Trọn gói	1	5.000.000	5.000.000	-	5.000.000
IV. Chi phí quảng bá				51.600.000	-	51.600.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>458.000.000</b>	<b>320.000.000</b>	<b>138.000.000</b>

**(Bảng chữ: Bốn trăm năm mươi tám triệu đồng chẵn)**

**Trong đó:**

Ngân sách nhà nước hỗ trợ (Kinh phí TMDT Quốc gia): 320.000.000 đồng, tương đương 69,86% tổng kinh phí đề án

(Bảng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng)

Kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương: 138.000.000 đồng, tương đương 30,14% tổng kinh phí đề án

(Bảng chữ: Một trăm sáu mươi hai triệu đồng)